

Bản án số: **289/2025/HS-PT**
Ngày: 18/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phụng

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Lan Hương

Ông Ngô Thanh Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hòa – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 11 đến 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2025/TLPT-HS, ngày 08 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo Phạm Ngọc Duy T và Trần Kim C do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 636/2024/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Ngọc Duy T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1993 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: Số F, tổ D, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn M, sinh năm 1968 và bà Quách Thị Đ, sinh năm 1969; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thảo N, sinh năm 1996 và có 01 con: sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt quả tang từ ngày 23/01/2024 chuyển tạm giam theo lệnh số 325/LTG của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực B, tỉnh Đồng Nai.

Do bị cáo đã rút kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

2. Trần Kim C, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2001 tại tỉnh Cà Mau; Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Nơi ở hiện tại: Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn P, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1979; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Có chồng là Huỳnh Vĩnh P1, sinh năm 1993 và có 01 con: sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt quả tang và tạm giam từ ngày 23/01/2024 đến ngày 02/02/2024. Hiện bị cáo đang tại ngoại (có mặt)

Ngoài ra, còn có 07 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Phạm Ngọc Duy T, Vũ Tài T1, Đào Quang T2, Cao Thanh D, Phạm Công T3, Nguyễn Trung T4, Nguyễn Thị Phụng L, Trần Trương Như Q và Trần Kim C là các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, L, Q và C cùng làm tiếp viên phục vụ khách sử dụng ma túy.

Khoảng 12 giờ ngày 23/01/2024, sau khi nhậu tại quán “A” thuộc khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì T1 rủ T, T, Quang T2, D và T3 cùng góp tiền để mua ma túy về sử dụng chung tại quán karaoke “Đình Ngọc” ở số nhà G, tổ C, khu phố B, phường T, thành phố B, cả nhóm đồng ý.

Sau khi bàn bạc, thì cả nhóm thỏa thuận thống nhất góp tiền như sau: T1 góp 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng), Tân góp 1.000.000đ (Một triệu đồng) nhưng chưa đưa tiền, Trung T4 góp 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng), Quang T2 góp 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), D góp 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) và T3 góp 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng). T1 là người thu tiền, tổng cộng được 9.200.000đ (Chín triệu hai trăm nghìn đồng) (còn thiếu 1.000.000đ Tân chưa góp). Sau đó cả nhóm đến quán karaoke “Đình N1” gặp anh Nguyễn Ngọc L1 (sinh năm 1988, ngụ tại G, khu phố B, phường T, thành phố B) là nhân viên phục vụ và ông Nguyễn Văn K1 (sinh năm 1957, ngụ tại G, khu phố B, phường T, thành phố B) là quản lý thuê phòng số 6 của quán.

Lúc này T1 gọi điện cho Nguyễn Thị Phụng L rủ L đến để cùng sử dụng ma túy, đồng thời T1 nói L gọi thêm 4 người nữ nữa đến phục vụ cho nhóm của T1 sử dụng ma túy với giá 1.000.000/người/03 giờ, L đồng ý. L sử dụng zalo nhắn tin rủ thêm Trần Kim C, Trần Trương Như Q và Nguyễn Thị Út E (sinh năm: 1993, ngụ tại 22, ấp A, xã L, thành phố B), Đặng Ngọc Khánh L2 (sinh ngày 12/01/2008, ngụ tại ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai) và Trần Thị T5 (sinh năm 1999, ngụ tại thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) đến để cùng sử dụng ma túy và phục vụ cho việc bay lắc.

Sau khi vào phòng số 6, T1 nói T liên hệ mua ma túy để cả nhóm sử dụng, T đồng ý và gọi điện cho T6 (chưa rõ lai lịch) qua số điện thoại 0908593157 hỏi mua 06 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy hàng khay với giá 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Sau đó T1 đưa cho T 5.200.000đ và nói T đi mua ma túy, còn T1 ra quầy tiếp tân mượn của ông K1 02 đĩa sứ đem vào phòng để lên bàn (ông K1 không biết T1 mượn đĩa sứ để đựng ma túy). Khoảng 15 phút sau, người bán ma túy đem 01 gói hàng khay và 06 viên thuốc lắc đến bên hông của quán K2 bán cho T. T góp thêm 1.000.000đ (Một triệu đồng) và mua số ma túy nêu trên với giá 6.200.000đ. Mua được ma túy, T đem vào phòng số 6 và để hàng khay vào đĩa, còn 6 viên thuốc lắc T bẻ thành nhiều mảnh nhỏ đặt trên bàn để mọi người cùng sử dụng.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, L cùng C, Q, Út E, Khánh L2 và T5 cũng đến quán và đi vào phòng số 6. Khi vào phòng, L nói C đưa 01 tờ tiền mệnh giá

1.000đ để L bỏ hàng khay lên rồi dùng bật lửa “hơ nóng”. Sau đó L dùng thẻ nhựa cào nhuyển hàng khay để vào 2 đĩa sứ, rồi kẻ thành nhiều đường. T1, Q mỗi người bỏ ra 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ để C, Quang T2 và L cùng nhau cuộn tròn chế ra dụng cụ dùng làm ống hút cho cả nhóm hít hàng khay.

Phạm Ngọc Duy T, Vũ Tài T1, Nguyễn Thị Phụng L, Cao Thanh D, Phạm Công T3, Đào Quang T2, Nguyễn Trung T4, Trần Kim C, Trần Trương Như Q cùng Nguyễn Thị Út E, Đặng Ngọc Khánh L2 và Trần Thị T5 cùng tham gia sử dụng ma túy và bay lắc đến khoảng 17 giờ 10 phút cùng ngày tại phòng số 6, quán K2 thì Công an phường T, thành phố B kiểm tra phát hiện, bắt quả tang.

Quá trình điều tra, Phạm Ngọc Duy T, Vũ Tài T1, Nguyễn Thị Phụng L, Đào Quang T2, Cao Thanh D, Phạm Công T3, Nguyễn Trung T4, Trần Trương Như Q, Trần Kim C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

2. Về giám định:

Tại bản Kết luận giám định số 222/KL-KTHS ngày 31/01/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh Đ đã kết luận:

- 01 gói nilon chứa chất màu trắng (ký hiệu M11) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng là 0,1854 gam, loại Ketamine.

- 01 đĩa sứ, 01 tờ tiền mệnh giá 1000đ, 01 tiền giấy mệnh giá 10.000đ đã được cuộn tròn, 01 thẻ nhựa, còn bám dính chất màu trắng (ký hiệu M12) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại Ketamine. Mẫu dạng vết không xác định được khối lượng.

- 01 đĩa sứ, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ đã được cuộn tròn, 01 thẻ nhựa còn bám dính chất màu trắng (ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại Ketamine. Mẫu dạng vết không xác định được khối lượng.

- Tại các biên bản xét nghiệm chất ma túy đối với Vũ Tài T1, Phạm Ngọc Duy T, Nguyễn Trung T4, Đào Quang T2, Cao Thanh D, Phạm Công T3, Nguyễn Thị Phụng L, Trần Kim C và Trần Trương Như Q và các chị Nguyễn Thị Út E, Đặng Ngọc Khánh L2 và Trần Thị T5 thể hiện tất cả đều dương tính với ma túy MDMA, M1 và Ketamine.

3. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 636/2024/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án số 74/2025/TB-TA ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã:

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Ngọc Duy T.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; các điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Kim C.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Ngọc Duy T và Trần Kim C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1. Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc Duy T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2024.

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Kim C 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 23/01/2024 đến ngày 02/02/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo Vũ Tài T1, Đào Quang T2, Cao Thanh D, Phạm Công T3, Nguyễn Trung T4, Nguyễn Thị Phụng L và Trần Trương Như Q phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với mức án:

- Bị cáo Vũ Tài T1 08 (tám) năm 08 (tám) tháng tù.
- Bị cáo Đào Quang T2 08 (tám) năm 04 (bốn) tháng tù.
- Bị cáo Cao Thanh D 08 (tám) năm tù.
- Bị cáo Phạm Công T3 08 (tám) năm tù.
- Bị cáo Nguyễn Trung T4 08 (tám) năm tù.
- Bị cáo Nguyễn Thị Phụng L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.
- Bị cáo Trần Trương Như Q 07 (bảy) năm 04 (bốn) tháng tù.

Và tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Về kháng cáo:

- Ngày 26 tháng 11 năm 2024, bị cáo Trần Kim C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với nội dung: Bị cáo có nhân thân tốt; là lao động chính trong gia đình; hiện đang nuôi con nhỏ; chồng đang bệnh suy thận giai đoạn cuối; gia đình bị cáo có công với cách mạng.

- Ngày 03 tháng 12 năm 2024 (xác nhận của Nhà tạm giữ công an thành phố B vào ngày 05 tháng 12 năm 2024), bị cáo Phạm Ngọc Duy T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với nội dung: bị cáo có con nhỏ.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, bị cáo Phạm Ngọc Duy T đã có đơn rút toàn bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Kim C vẫn giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo giao nộp chứng cứ mới là Huân chương kháng chiến hạng ba của ông Trần Văn T7 (là ông nội của bị cáo Kim C).

5. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Đơn kháng cáo của các bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn nên xem xét giải quyết. Bị cáo Phạm Ngọc Duy T tự nguyện làm đơn rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị HĐXX đình giải quyết phúc thẩm đối với bị cáo T. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Kim C: Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép ma túy” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS là đúng người, đúng tội. Cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại các điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS và xử bị cáo 07 năm tù là có căn cứ và phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng xét mức án sơ thẩm đã phù hợp nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo nộp trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, bị cáo Phạm Ngọc Duy T đã có đơn về việc rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, các cơ quan có thẩm quyền và những người liên quan về việc rút kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc Duy T. Do đó, căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc Duy T.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Kim C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

Từ khoảng 14 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút ngày 23/01/2024, tại phòng số 6, quán karaoke “Đình Ngọc” địa chỉ số G, tổ C, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Phạm Ngọc Duy T, Vũ Tài T1, Đào Quang T2, Cao Thanh D, Phạm Công T3, Nguyễn Trung T4, Nguyễn Thị Phụng L, Trần Trương Như Q và Trần Kim C có hành vi góp tiền để mua ma túy, thuê người phục vụ và thuê phòng karaoke làm địa điểm, cung cấp dụng cụ tổ chức cho nhau và tổ chức cho Nguyễn Thị Út E, Đặng Ngọc Khánh L2 (sinh ngày 12/01/2008) và Trần Thị T5 sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Công an phường T, thành phố B kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Với hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và xem xét các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đang mang thai khi phạm tội (các điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự).

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm đơn xác nhận bị cáo có ông nội là người có công với Nhà nước, được tặng huân chương hạng ba, bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ dưới 01 tuổi. Căn cứ vào việc bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ khác ở khoản 2 Điều 51 BLHS, căn cứ vào tính chất, mức độ, vai trò tham gia tội phạm của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng cho bị cáo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa có phần phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Kim C được chấp nhận nên bị cáo không chịu án phí.

Bị cáo Phạm Ngọc Duy T đã có đơn về việc rút toàn bộ kháng cáo nên

không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 342 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc Duy T. Phần hình phạt đối với bị cáo T (tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 636/2024/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án số 74/2025/TB-TA ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) có hiệu lực pháp luật.

[2] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Kim C. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 636/2024/HS-ST ngày 25/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; các điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Kim C 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 23/01/2024 đến ngày 02/02/2024.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa (2);
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Phòng HS nghiệp vụ - CA ĐN (PV06);
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an/ UBND P. Tân Biên, BHĐN;
- Công an/ UBND P. Tân Hiệp, BHĐN
- Cơ sở giam giữ - Các Bị cáo;
- Lưu: HSVA, Tòa HS và Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Thanh Phượng